

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH Đ

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Điện Biên, ngày 03 tháng 5 năm 2024

Số: 02/2024/QĐST-DS
CỘNG HÒA XÃ HỘI
CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH Đ

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thanh Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Vương Kim Tâm.

2. Bà Đỗ Thị Luyến.

Căn cứ vào các điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 03/2023/TLST - DS ngày 29 tháng 11 năm 2023 về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất".

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự: *

Nguyên đơn:

- Bà Nguyễn Thị H (C); sinh năm 1958; Địa chỉ: Thôn T, xã T1, huyện Đ, tỉnh Đ.
- Ông Nguyễn Văn T; sinh năm 1957; Địa chỉ: Thôn T, xã T1, huyện Đ, tỉnh Đ.
- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông PHm Đông A, sinh năm: 1964; Địa chỉ: Tổ dân phố 5, phường N, thành phố Đ, tỉnh Đ.

* **Bị đơn:** Ông Lại Mạnh H1; sinh năm 1968; Địa chỉ: Tổ dân phố 13, phường M, TP Đ, tỉnh Đ.

* **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

- Bà Lý Thị Minh H2; sinh năm 1981; Địa chỉ: Số nhà 68, tổ dân phố 6, phường M, TP Đ, tỉnh Đ.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Lý Thị Minh H2: Ông Đỗ Hữu L;
Địa
chỉ: Thôn Thanh Xuân, xã T1, huyện Đ, tỉnh Đ.

- Ông Bùi Chiến T1, sinh năm 1988; Địa chỉ: Số nhà 90, tổ dân phố 9, phường M, thành phố Đ, tỉnh Đ.

- Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Đ; Địa chỉ: Xã T2, huyện Đ, tỉnh Đ.
Người đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Hải B, chức vụ: Chủ tịch. Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Tiến C – chức vụ: Phó chủ tịch.

- Ủy ban nhân dân xã T1, huyện Đ, tỉnh Đ. Địa chỉ: Bản Bó, xã T1, huyện Đ, tỉnh Đ. Người đại diện theo pháp luật: Ông Lương Văn T3, chức vụ: Chủ tịch. Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Mạnh C1 – chức vụ: Phó chủ tịch.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Ông Lại Mạnh H1 đồng ý trả cho bà Nguyễn Thị H (C), ông Nguyễn Văn T số tiền 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng chẵn) vào ngày 09/05/2024, bằng tiền mặt. Bà H, ông T không yêu cầu ông H1 phải trả lại cho ông bà phần diện tích đất tranh chấp 72,3m².

2.2. Công nhận cho ông Lại Mạnh H1 được quyền quản lý, sử dụng phần diện tích đất tranh chấp 72,3m² theo sơ đồ hiện trạng thửa đất của Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và Môi trường được đo đạc tại buổi xem xét thẩm định tại chỗ ngày 01/3/2024 và theo giấy chứng nhận QSDĐ số DE 685821, số vào sổ GCN: CH 03365, thửa đất số 29, tờ bản đồ số 335 – c (Mảnh trích đo 590 – 2020); diện tích 1816,6m²; địa chỉ thửa đất: Thôn T, xã T1, huyện Đ, tỉnh Đ; mang tên Lại Mạnh H1, do UBND huyện Đ cấp ngày 10/6/2022.

Vị trí giáp ranh của phần diện tích đất tranh chấp:

Phía Đông giáp đất nhà ông bà H (C), T.

Phía Tây giáp đất ông H1

Phía Nam giáp đường đi hồ Hồng Khénh

Phía Bắc giáp đất ông H1.

- Bao gồm các mốc như sau: Từ cạnh T1' – T2' = 3,36 m; cạnh T1 – T2 = 3,2m, tổng 6,8m² (phần diện tích tranh chấp trong hành lang an toàn giao thông); Cạnh từ T1' – T4 = 40,0m; Từ T2' = T3 = 39,9m; Từ T3 – T4 = 15cm., tổng diện tích đất tranh chấp ngoài hành lang an toàn giao thông 65,5m². Tổng = 72,3m².

(Kèm theo quyết định là sơ đồ hiện trạng thửa đất của Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ đính kèm).

3. Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc: Yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất (sau đây viết tắt là GCNQSDĐ) của nguyên đơn: GCNQSDĐ số GCN: DE 685821, số vào sổ GCN: CH 03365 do UBND huyện Đ cấp ngày 10/6/2022 cho ông Lại Mạnh H1; Địa chỉ thửa đất: Thôn T, xã T1, huyện Đ, tỉnh Đ.

Đ.

4. Về tiền chi phí tố tụng:

Chi phí tố tụng tiền xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản ngày 01/3/2024 tổng là 17.500.000 đồng. Ông T, bà H, ông H1 thoả thuận: Ông T, bà H phải chịu 8.750.000 đồng; Ông H1 phải chịu 8.750.000 đồng. Ông T, bà H đã nộp số tiền 17.500.000 đồng, nên ông H1 có trách nhiệm trả cho ông T, bà H số tiền 8.750.000 đồng (*ông H1 đã trả cho ông T, bà H*).

** Kể từ ngày các đương sự có đơn yêu cầu thi hành án nếu các đương sự không tự nguyện thi hành đối với khoản tiền trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 468/BLDS năm 2015.*

5. Về án phí: Căn cứ Căn cứ Điều 147, Điều 218/BLTTDS năm 2015; Điều 1, khoản 1 Điều 12; Điều 14, khoản 1 Điều 15, Khoản 7 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Tiền án phí DSST không có giá ngạch: Bà H (C), ông T là người cao tuổi nên được miễn nộp tiền án phí DSST. Ông Lại Mạnh H1q phải chịu 150.000 đồng án phí DSST. Tuy nhiên bà H (C), T thoả thuận, tự nguyện chịu tiền án phí DSST của ông H1, nên ông H1 được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng án phí DSST bà H (C), ông T đã nộp và trả lại cho bà H (C), ông T 150.000 đồng án phí

DSST đã nộp tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002208, ngày 29/11/2023.

- Tiền án phí DSST có giá ngạch. Do ông H1 phải trả cho ông T, bà H (C) số tiền 150.000.000 đồng chẵn do vậy ông H1 phải chịu án phí DSST có giá ngạch là $150.000.000 \text{ đ} \times 5\% : 2 = 3.750.000$ đồng án phí DSST có giá ngạch (chưa nộp).

6. Nội dung Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm. Các đương sự có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị đối với nội dung đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

7. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự.
- VKSND tỉnh Đ;
- UBND xã T1;
- UBND huyện Đ;
- Cục T.H.A tỉnh Đ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Thanh Thủy

